

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 11 năm 2018
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng

Bà Trịnh Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Phạm Thị Bích V** - sinh năm 1994 - Địa chỉ: Tổ 32 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Ông **Hà Văn S (Ha Van S)** - sinh năm 1967 - Địa chỉ: 28 Walsh Ave, Toronto Ontario M9M 1B7 Canada. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, cũng như quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà Phạm Thị Bích V trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Hà Văn S kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75 ngày 22 tháng 12 năm 2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại nhà cha mẹ đẻ của ông S.

Sau khi kết hôn được 01 tháng ông S quay trở về Canada, còn tôi sống và làm việc tại Đà Nẵng. Từ khi về Canada đến nay ông S không quay trở lại, chúng tôi chỉ liên lạc qua điện thoại. Trong thời kỳ hôn nhân tôi thấy vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, những lúc nói chuyện điện thoại thì bất đồng về quan điểm sống, hay cãi nhau, thực tế hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý,

đồng thời tôi thấy hiện nay tình cảm giữa tôi và ông S không còn nên tôi yêu cầu giải quyết cho tôi được ly hôn đối với ông Hà Văn S.

+ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Hà Văn S không có.

* Tại Bản tự khai ngày 17 tháng 10 năm 2018 Bị đơn là ông Hà Văn S trình bày như sau:

Tôi đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 46/2018/TB-TLVA ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thông báo bà Phạm Thị Bích V khởi kiện “Ly hôn”. Ý kiến của tôi như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi đã chính thức kết hôn với bà Phạm Thị Bích V hiện thường trú tại 32 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng và được Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75 ngày 22 tháng 12 năm 2016. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vì có nhiều bất đồng không thể giải quyết được nên chúng tôi quyết định đồng ý ly hôn để cả hai tạo dựng hạnh phúc mới.

+ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà Phạm Thị Bích V không có.

Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, đồng thời đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết nhanh. Tôi không có khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích V là công dân Việt Nam, có địa chỉ cư trú tại tổ 32 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông Hà Văn S, có địa chỉ cư trú tại 28 Walsh Ave, Toronto Ontario M9M 1B7 Canada nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 37, 40, 464, 469 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích V và bị đơn ông Hà Văn S theo quy định tại Điều 122 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho ông Hà Văn S theo đường Bưu điện. Tại bản tự khai ngày 17 tháng 10 năm 2018 Bị đơn là ông Hà Văn S đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 46/2018/TB-TLVA ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bích V đối với ông; cũng như các nội dung khác có liên quan cần giải quyết trong vụ án.

[3] Xét thấy bị đơn ông Hà Văn S không có mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Hà Văn S.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bích V đối với ông Hà Văn S thì thấy: Sau khi kết hôn từ tháng 12 tháng 2016, giữa bà V và ông S chung sống được với nhau 01 tháng tại thành phố Đà Nẵng, sau đó ông S quay trở về Canada, còn bà Phương sống và làm việc tại Đà Nẵng. Hôn nhân chỉ tồn tại trên giấy tờ, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, không có trách nhiệm lẫn nhau. Cả bà V và ông S đều xác định không còn tình cảm nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà V và ông S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Bích V đối và ông Hà Văn S xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Phạm Thị Bích V phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 37; 40; 147; 227; 464, 469 và Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 122; 123; 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của Phạm Thị Bích V đối với ông Hà Văn S.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Bích V được ly hôn với ông Hà Văn S (Ha Van S).

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Phạm Thị Bích V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Phạm Thị Bích V đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 001475 ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Phạm Thị Bích V đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích V có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn ông Hà Văn S (Ha Van S) vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- UBND quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng

